

Số: 44/QĐ-THCS&THPTHD

Đông Ngũ, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT HẢI ĐÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của nhân viên kế toán Trường THCS và THPT Hải Đông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được Sở Giáo dục và Đào tạo giao cho nhà trường (theo các biểu đính kèm Quyết định số 1600/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025):

Thời gian công khai: 30 ngày, kể từ ngày 28/01/2026.

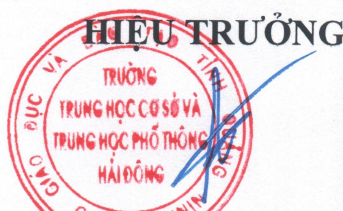
Hình thức, địa điểm công khai: Niêm yết tại phòng họp, Website - Trường THCS và THPT Hải Đông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo nhà trường, tổ văn phòng, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS và THPT Hải Đông thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Trịnh Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

Hội: 08 giờ 00, thứ 4, ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Tại: Phòng họp - Trường THCS và THPT Hải Đông.

Địa chỉ: Thôn Làng Đài, xã Đông Ngũ, tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): Nguyễn Trịnh Hiếu

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Ông (bà): Đinh Thị Thiên Lý

Chức vụ: Kế toán.

Ông (bà): Lê Thị Nghĩa

Chức vụ: TB thanh tra nhân dân.

Ông (bà): Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Tổ trưởng tổ văn phòng.

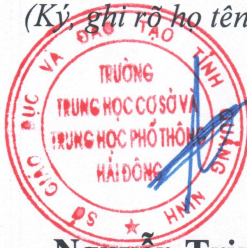
Cùng lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 (*nội dung, biểu mẫu công khai thực hiện theo quy định tại Điều 1, Quyết định số 44/QĐ-THCS&THPTĐ ngày 28/01/2026 của Trường THCS và THPT Hải Đông*).

Thời gian niêm yết: **30** ngày, từ nay đến hết ngày 09/03/2026.

Biên bản được lập thành 02 bản, kế toán giữ 01 bản, Trưởng ban thanh tra nhân dân giữ 01 bản./.

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Trịnh Hiếu

Người niêm yết

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tiến

Trưởng ban TTND

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Nghĩa

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Thiên Lý

Số: 1600/QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 được giao, các đơn vị sử dụng NSNN:

1. Phân khai dự toán kinh phí theo đúng dự toán được giao; Chủ động xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, cụ thể cho từng nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách được giao, phấn đấu đến 31/12/2026 hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn giao đầu năm; Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kế hoạch giải ngân trước ngày 15/01/2026 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật trong quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo đúng chế độ, chính sách quy định và tổ chức thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, tuyệt đối không để thất thoát ngân sách nhà nước. Trường hợp nhiệm vụ chi đã được giao dự toán cho các đơn vị nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền, đơn vị chỉ được thực hiện dự toán khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Tỷ lệ giải ngân theo các mốc

thời gian 6 tháng, 9 tháng, cả năm là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tập thể, cá nhân của đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

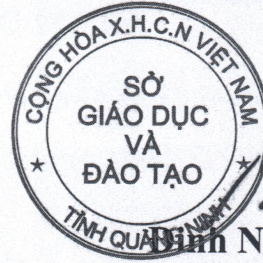
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực III, các phòng giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC.

Ký bởi: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ký bởi: Chu Việt Phương

Ký bởi: Lê Thị Phương

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bình Ngọc Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Chương 422

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Hải Đông

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1032557

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1. Số thu phí, lệ phí	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)	13.230
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	13.479
1.1 Chi quản lý hành chính	
1.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	13.479
<i>a. Kinh phí thực hiện tự chủ</i>	<i>9.910</i>
<i>b. Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>3.569</i>
Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	140
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	24
Chính sách đối với học sinh, học viên bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.	336
Chế độ giáo viên dạy học sinh khuyết tật	277
Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 20% kinh phí hoạt động)	504
Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	719
Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (10% lương theo ngạch bậc)	376
Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên dạy ôn thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT	260
Kinh phí phòng cháy chữa cháy theo Nghị định 105/2025 NĐ-CP (bảo hiểm cháy nổ, bảo dưỡng thiết bị PCCC, tập huấn PCCC)	30
Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (22 triệu/ lớp)	250
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới	653
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	249

	Trường THPT Mông Dương	Trường THPT Ngô Quyền	Trường PT DTNT THCS và THPT tỉnh	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	Trường THPT Đầm Hà	Trường THCS & THPT Đường Hoa Cương	Trường THCS-THPT Hải Đông	Trường THPT Quảng Hà
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí									
1. Số thu phí, lệ phí									
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại									
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN									
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp (1-2)									
1. Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp giao	11.575	17.726	53.956	54.140	13.540	15.651	13.079	13.230	15.773
I.1 Chi quản lý hành chính	11.763	17.994	54.436	54.791	13.756	15.940	13.290	13.479	16.069
a. Kinh phí thực hiện tự chủ									
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ									
I.2 Chi sự nghiệp Giáo dục	11.763	17.994	54.436	54.791	13.756	15.940	13.290	13.479	16.069
a. Kinh phí thực hiện tự chủ	8.045	12.934	24.004	32.538	10.469	13.084	9.403	9.910	12.917
b. Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.718	5.060	30.432	22.253	3.287	2.856	3.887	3.569	3.152
Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	750	1.205	610	1.424	908	198	273	140	515
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	14	54			39	16	10	24	12
Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh									
Chế độ cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42									
Hỗ trợ học phí cho học sinh, học viên tự thực theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.									
Chính sách đối với học sinh, học viên bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.	1.087					505	1.264	336	590

NỘI DUNG

Kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên dạy ôn thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT	455	949		1.230	477	644	357	260	530
Học bạ điện tử	16	16	13	20	12	16	11		17
Kinh phí phòng cháy chữa cháy theo Nghị định 105/2025 ND-CP (bảo hiểm cháy nổ, bảo dưỡng thiết bị PCCC, tập huấn PCCC)	88	102	160	135	43	71	114	30	29
Chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải			0						
Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học (22 triệu/ lớp)	250	528	616	498	250		374	250	115
Mua sắm thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới			80	616				653	
Mua sắm bổ sung trang thiết bị	58		610		330				
Quà tết nguyên đán									
1.3 Chi khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo									
Kinh phí triển khai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục đào tạo; dịch vụ Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh năm 2026									
Kinh phí thuê dịch vụ Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh									
1.4 Chi bảo đảm xã hội									
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh	188	268	480	651	216	289	211	249	296
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	1061852	1038341	1007434	1038346	1040548	1064535	1021834	1032557	1046356
Mã KBNN nơi giao dịch	2813	2811	2811	2811	2811	2825	2821	2814	2821